

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN GCF

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án: Tăng cường khả năng chống chịu của các cộng đồng ven biển để bị tổn thương bởi những tác động liên quan đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam

2. Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội;

ĐT: 043.733.2205

Email:

Chủ dự án (dự kiến): Tổng cục Thủy lợi, Số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội;

ĐT: 043.211.5301

Email: htqt.pctt@gmail.com

Các bên tham gia dự án khác: Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản (Bộ Xây dựng), Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNT), UBND 07 tỉnh tham gia dự án (Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Nam, Cà Mau và Nam Định).

3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài:

Nguồn tài trợ của Quỹ Biến đổi khí hậu xanh (GCF) và của UNDP

Đại diện nhà tài trợ: Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

304 Kim Mã, Hà Nội

ĐT: (+84 4) 38 500100; Fax: (+84-4) 37265520

Email:

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU SƠ BỘ CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Bối cảnh và sự cần thiết

1.1. Sự cần thiết, vai trò, vị trí của chương trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương liên quan đến nội dung của chương trình, dự án.

Dự án được thiết kế để giải quyết một số thách thức và nhiệm vụ ưu tiên cụ thể của các kế hoạch, chiến lược chính liên quan đến Biến đổi khí hậu và Phòng chống thiên tai. Dự án được đề xuất sẽ góp phần làm tăng vốn rừng ngập mặn ở các tỉnh ven biển được lựa chọn, tăng lượng các bon được hấp thụ bởi rừng ngập mặn cũng như giảm tác động của bão và sóng biển đối với dải bờ biển và cuộc sống của cộng đồng ven biển. Đồng thời thông qua hỗ trợ tăng cường khả năng chống chịu thiên tai của các căn nhà được xây dựng cho dân cư ven biển dự án góp phần giảm thiệt hại về kinh tế, giảm nghèo cho các hộ nghèo tại các vùng lựa chọn. Đặc biệt, dự án được thiết kế rất phù hợp với các mục tiêu trong Chiến lược quốc gia về BĐKH 2011-2020 như sẽ đề cập dưới đây.

- *Chiến lược quốc gia về BĐKH 2011-2020* hướng tới chủ động đối phó với thiên tai và theo dõi khí hậu. Trong khuôn khổ chức năng của ngành, Chiến lược đặt mục tiêu cụ thể giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra thông qua:
 - Rà soát và thiết kế các qui hoạch/kế hoạch phát triển và tiêu chuẩn xây dựng trong những vùng thường xuyên chịu thiên tai ứng phó với sự tăng lên của thiên tai do BĐKH;
 - Nâng cao chất lượng rừng và trồng rừng, bao gồm phủ xanh đất trống đồi núi trọc, khai thác có hiệu quả các loại rừng khác nhau nhằm đảm bảo và nâng cao sức chống chịu trước thiên tai, phòng ngừa sa mạc hoá, xói mòn và suy thoái đất, tăng cường bảo vệ, quản lý và phát triển rừng ngập mặn và các hệ sinh thái đất ngập nước, và tăng tỉ lệ che phủ rừng lên 45% vào năm 2020.

- *Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030* có nêu một trong các mục tiêu đến năm 2020 là “hỗ trợ cho khoảng 500 nghìn hộ gia đình (theo chuẩn nghèo mới) tại khu vực nông thôn cải thiện nhà ở” và đề ra nhiều giải pháp trong đó có “Tăng cường công tác quản lý chất lượng trong thiết kế, thi công xây dựng và sử dụng nhà ở, bảo đảm các công trình nhà ở, kể cả các nhà ở do dân tự xây đạt yêu cầu về chất lượng, an toàn trong sử dụng, có khả năng ứng phó với thiên tai, động đất, biến đổi khí hậu”.

- Thông qua *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2011-2020*, Việt Nam mong muốn đạt được một nền kinh tế các bon thấp và làm giàu vốn tự nhiên. Tăng trưởng xanh là định hướng chủ đạo hướng tới phát triển kinh tế bền vững, và giảm phát thải khí nhà kính, tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính và dần dần trở thành các chỉ số quan trọng, bắt buộc trong phát triển KTXH. Trong những khu vực dễ bị tổn thương cao vì BĐKH, hạ tầng cơ sở-đô thị hoá bền vững nên thích ứng với BĐKH để giảm nhẹ tổn thất về kinh tế.

- Mục tiêu tổng quan của *Chiến lược Phát triển bền vững 2012-2020* là phát triển hiệu quả và bền vững phải đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, ổn định chính trị-xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập-chủ quyền-thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Cụ thể chiến lược nhằm giảm ảnh hưởng tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó hiệu quả với BĐKH. Ưu tiên nguồn lực cho giảm nghèo và nâng cao đời sống của nhân dân ở các vùng khó khăn nhất, cũng như hỗ trợ người nghèo và hộ gia đình nghèo xây dựng nhà cửa.

- *Chiến lược Bảo vệ môi trường đến 2020 với tầm nhìn đến 2030* ghi rõ các giải pháp phục hồi và tái sinh các hệ sinh thái tự nhiên, nhất là rừng ngập mặn, cũng như nêu các giải pháp tăng tỉ lệ che phủ rừng và cải thiện chất lượng rừng. Bao gồm:
 - Khảo sát và đánh giá mức độ thoái hoá và suy thoái của các hệ sinh thái tự nhiên cụ thể và đại diện, nhất là rừng ngập mặn, sau đó thiết kế các kế hoạch để phục hồi hệ sinh thái này;
 - Thực hiện các chương trình tìm kiếm và huy động các nguồn ODA và các nguồn khác từ các ngành và tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, tăng khả năng chống chịu trước BĐKH, tìm ra các cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng hướng tới thúc đẩy phục hồi, tái tạo và bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên;

- Bảo vệ rừng tự nhiên, đặc biệt là rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng đầu nguồn, đồng thời ngăn chặn tình trạng phá rừng và khai thác bất hợp pháp, tiếp tục trồng rừng và bảo vệ rừng nhằm đảm bảo lâm nghiệp bền vững; quản lý chặt chẽ việc cho thuê đất rừng, nhất là rừng phòng hộ và rừng đầu nguồn.
- *Chiến lược quốc gia về Bảo tồn ĐDSH tới 2020 và tầm nhìn đến 2030*: tập trung bảo tồn và quản lý bền vững các hệ sinh thái rừng quan trọng, các loài có nguy cơ tuyệt chủng và nguồn gen. Mục tiêu của chính sách này là tăng diện tích hệ sinh thái tự nhiên trong đất liền lên 9% diện tích đất nước; 45% tỉ lệ che phủ rừng; 15% hệ sinh thái bị suy thoái được phục hồi; mục tiêu đến năm 2030 đạt được 25% hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế.
- Giải pháp 7 của *Kế hoạch phát triển KTXH trong giai đoạn 2011-2015* tập trung cải thiện và nâng cao năng suất và hiệu quả của chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Quan trọng hơn, Kế hoạch khuyến khích sự tham gia rộng rãi của xã hội trong bảo vệ môi trường, phần này được phản ánh rõ trong cách tiếp cận dựa vào cộng đồng của dự án GCF.

Mặc dù Việt Nam đã có chính sách và các thể chế quốc gia tương đối cụ thể như trên, các chương trình chiến lược này còn thiếu sự phối hợp liên bộ, có thể đảm bảo thông báo rủi ro và lập kế hoạch phát triển chống chịu với khí hậu. Đề xuất GCF không chỉ đề cập đến sự thay đổi nhiều mặt mà cách tiếp cận tổng hợp của đề xuất còn thúc đẩy nhu cầu phối hợp này.

1.2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.

Những vấn đề nêu lên trong dự án GCF này bao gồm (i) xây nhà chống chịu với bão lụt cho dân nghèo vùng duyên hải, (ii) phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, và (iii) thiết lập cơ sở dữ liệu thông tin về rủi ro khí hậu, hỗ trợ lập kế hoạch có tính tới các rủi ro và khả năng chống chịu với BĐKH.

Những chương trình, dự án đã và đang được thực hiện bằng nhiều nguồn vốn khác nhau với mục đích hỗ trợ, giải quyết các vấn đề có liên quan như trong dự án GCF bao gồm:

Các chương trình có liên quan của Chính phủ:

- *Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lũ*, theo Quyết định 48/2014/QĐ-TTg, triển khai hỗ trợ cho khoảng 30 nghìn hộ nghèo của 14 tỉnh khu vực miền Trung bị ảnh hưởng của lũ, lụt có nhà ở an toàn, ổn định để yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế, có điều kiện để vươn lên thoát nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo của Chính phủ.
- *Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với BĐKH giai đoạn 2015-2020* mới được thông qua tại Quyết định 120/QĐ-TTg ngày 22/11/2015 cho 28 tỉnh duyên hải Việt Nam. Dự án cần tổng số tiền là 245 triệu US\$ (5.415 tỉ đồng) bình quân mỗi năm 41,4 triệu US\$ (902,5 tỉ đồng). Ngân sách trung ương dự tính cung cấp 70% tổng chi của chương trình, 25,8% đến từ nguồn ODA và 4,2% từ các nguồn vốn hợp pháp khác (nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; kinh phí trồng rừng thay thế của các tổ chức chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; vốn đầu tư của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân).

Mặc dù vậy, đến nay mới chỉ có một phần vốn được thu xếp. Dự án này của Chính phủ được xếp vào hàng ưu tiên cao, và được trích dẫn cụ thể như hành động thích ứng trong dự thảo cam kết đóng góp quốc gia của Việt Nam (INDC Việt Nam). Dự án này hướng tới:

- bảo vệ 310.695ha rừng hiện có;
- phục hồi 9.602ha rừng kém chất lượng; và
- trồng mới 46.058ha rừng ven biển (trong đó 29.500ha là rừng ngập mặn, trồng 7.508ha rừng chắn gió và cát, và 9.050ha rừng sản xuất ven biển kết hợp phòng hộ).

Các chương trình/dự án dùng vốn ODA:

- Chương trình trồng 2.296 ha rừng ngập mặn phòng chống thiên tai do Hội chữ thập đỏ Nhật Bản tài trợ (1.743.938 USD) tại 06 huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Sầm Sơn, Quảng Xương, và Tĩnh Gia (Thanh Hoá) từ 2009 đến 2015;
- Dự án đầu tư phát triển 200 ha rừng ngập mặn ở các cộng đồng ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa do Quỹ hiểm họa thiên tai Trung bộ tài trợ (925.250 USD) từ 2010 đến 2015;
- Lòng ghép bảo vệ và phục hồi 21ha¹ rừng ngập mặn ven biển huyện U Minh, tỉnh Cà Mau do Đức/KfW tài trợ (1.200.000 USD) từ 2013 đến 2019;
- Dự án Tăng cường năng lực thể chế cho quản lý rủi ro thiên tai tại Việt Nam giai đoạn 2 (SCDM - II) do UNDP hỗ trợ; và
- Dự án Xây dựng năng lực cho việc thực hiện Chiến lược biến đổi khí hậu quốc gia (2014-2017) cũng do UNDP hỗ trợ. Các dự án này góp phần nâng cao năng lực quốc gia để thu thập, phân tích, áp dụng và phổ biến các thông tin về khí hậu và thiên tai; đồng thời hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo và tăng cường điều phối trong chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu.
- Dự án hỗ trợ sáng kiến của ADB - UNDP giúp Bộ NN & PTNT triển khai thí điểm các chỉ số rủi ro tổng hợp đối với tính chống chịu nhằm đưa ra quyết định liên quan đến ưu tiên thích ứng ở cấp tỉnh. Những công cụ này tổng hợp các nguy cơ rủi ro khí hậu và cùng với số liệu về tính dễ bị tổn thương đối với kinh tế - xã hội của địa phương tạo điều kiện để hiểu biết chính xác hơn, không chỉ về tác động khí hậu mà còn về mức độ hứng chịu của địa phương. Các chỉ số và bản đồ có thể tiếp cận dễ dàng sẽ được sử dụng như một công cụ để hỗ trợ lập kế hoạch đầu tư và ra quyết định. Nhân rộng mô hình này để lập bản đồ toàn bộ vùng ven biển, áp dụng so sánh và thống nhất dữ liệu sẽ là một sự thay đổi quan trọng trong khả năng phân tích và so sánh các rủi ro của biến đổi khí hậu ở các vùng ven biển của Việt Nam.
- Chương trình xây dựng năng lực thích ứng về kinh tế thích ứng với BĐKH của UNDP/USAID (ECCA²) đang hỗ trợ Việt Nam tăng cường năng lực thể chế áp dụng các nguyên tắc kinh tế và kỹ thuật để thông báo lập kế hoạch thích ứng bền vững và tiết kiệm chi phí. Chương trình đã đào tạo về phân tích kinh tế (như phân tích chi phí-lợi ích) cho các cán bộ kỹ thuật của Bộ KH&ĐT, TNMT và NN&PTNT.

c) Nhu cầu sử dụng vốn ODA để hỗ trợ thực hiện chương trình, dự án:

¹ Mục tiêu hecta của dự án KfW tương đối thấp vì dự án chủ yếu tập trung vào hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ bờ biển.

² <http://www.undp-alm.org/projects/ecca-asia>

Tổng tài trợ của dự án: 40,53 triệu USD, trong đó tiền tài trợ của GCF: 29,523 triệu USD, tiền vốn đồng hỗ trợ³ của UNDP là 1,6 triệu USD và tiền vốn đồng hỗ trợ của chính phủ : 9,407 triệu USD.

2. Những nội dung chủ yếu của chương trình, dự án

2.1. Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án

Mục tiêu tổng quát: tăng khả năng chống chịu của các cộng đồng dễ bị tổn thương vùng ven biển trước các tác động liên quan đến BĐKH ở Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể của chương trình, dự án:

- Nhà ở an toàn cho các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương do bão lụt ngày càng gia tăng;
- Tỷ lệ che phủ rừng ngập mặn tăng, cung cấp khu đệm tự nhiên giữa biển và các cộng đồng ven biển; và
- Hệ thống thông tin rủi ro khí hậu đáng tin cậy được thiết lập, hỗ trợ hướng dẫn lập kế hoạch có tính tới các rủi ro và khả năng chống chịu với BĐKH.

2.2. Tóm tắt những sản phẩm dự kiến, kết quả chủ yếu của chương trình, dự án:

- **Kết quả 1**: Những tính năng thiết kế chống chịu bão lụt được đưa vào 4.000 nhà mới xây tại các địa điểm an toàn, với khoảng 20.000 người nghèo và chịu ảnh hưởng nhiều từ thiên tai trong khoảng 100 xã được hưởng lợi.
- **Kết quả 2**: 4.000 ha rừng ngập mặn ven biển làm các vùng đệm chắn triều cường và nước biển dâng được tái sinh thông qua việc sử dụng các phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng đã thành công.
- **Kết quả 3**: Khả năng khu vực tư nhân và cộng đồng tiếp cận tới những dữ liệu về mất mát, thiệt hại, khí hậu tại 28 tỉnh duyên hải của Việt Nam được tăng cường.

2.3. Mô tả tóm tắt những nội dung, hoạt động chủ yếu của chương trình, dự án và các hợp phần (chương trình):

Các hoạt động dẫn tới kết quả 1 gồm:

- Hoạt động 1.1. Tài trợ, hỗ trợ chi phí để bổ sung các tính năng chống chịu bão lụt cho 4.000 ngôi nhà;
- Hoạt động 1.2. Quy hoạch và lập bản đồ rủi ro thiên tai và khí hậu dựa vào cộng đồng; và
- Hoạt động 1.3. Tập hợp kiến thức được xây dựng dựa trên bài học kinh nghiệm trong các lĩnh vực nói trên cho các nhà tạo lập chính sách và cộng đồng.

Các hoạt động dẫn tới kết quả 2 gồm:

³ Nguồn đồng hỗ trợ (co-finance) này là nguồn vốn song song được các đơn vị/tổ chức triển khai thông qua các cơ chế hỗ trợ khác nhau để đảm bảo phục vụ cho các can thiệp liên quan của dự án.

- Hoạt động 2.1. Tái sinh hay trồng lại 4.000 ha rừng ngập mặn vùng ven biển dễ bị tổn thương bởi BĐKH;
- Hoạt động 2.2. Thực hiện chương trình phục hồi, chăm sóc và theo dõi rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng; và
- Hoạt động 2.3. Tập hợp kiến thức được xây dựng dựa trên bài học kinh nghiệm trong các lĩnh vực nói trên cho các nhà tạo lập chính sách và cộng đồng.

Các hoạt động cho ra kết quả 3 gồm:

- Hoạt động 3.1 – Cập nhật dữ liệu thiên tai và xây dựng kho dữ liệu rủi ro với cơ chế được xây dựng theo hướng chia sẻ/phổ biến thông tin;
- Hoạt động 3.2 – Hỗ trợ chính sách cho cán bộ chuyên môn/kế hoạch ở cấp Trung ương và cấp tỉnh để áp dụng thông tin tổn thất/thiên tai trong công tác lập kế hoạch chống chịu; và
- Hoạt động 3.3 – Phân tích cơ chế chuyển giao rủi ro cho bảo hiểm, kể cả đối với các trường hợp thiên tai liên quan đến khí hậu vùng ven biển trên qui mô lớn (mất mát hơn 3% GDP).

2.4. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài, (vốn ODA viện trợ không hoàn lại) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.

Tiền tài trợ của GCF: 29,523 triệu USD

Tiền đồng tài trợ của UNDP là 1,6 triệu USD: trong đó có 200,000 US\$ là tiền đưa trực tiếp vào dự án và 1,4 triệu USD là tiền đồng hỗ trợ để đảm bảo làm thông tin đầu vào cho các hoạt động can thiệp của dự án thông qua các cơ chế dự án khác với Bộ NN&PTNT và Bộ TNMT

2.5. Dự kiến vốn đối ứng và nguồn cung cấp gồm:

(i) Tổng số vốn cam kết đồng hỗ trợ từ các chương trình dự án khác của chính phủ để làm đầu vào cho các hoạt động can thiệp của dự án là 9,407 triệu USD, được lấy từ nguồn ngân sách cấp cho các chương trình xây nhà và rừng ngập mặn mà các Bộ này đang quản lý và thực hiện tại vùng dự án như sau:

- 8 triệu USD nguồn ngân sách của nhà nước (tạm tính US\$2000/nhà sẽ được hỗ trợ theo đề án của Bộ Xây dựng cho khoảng 4000 hộ dân được nhận hỗ trợ thêm trong dự án này) theo chương trình xây nhà chống bão lũ cho các hộ nghèo ven biển hiện có của Bộ Xây dựng;
- 1,407 triệu USD nguồn ngân sách TƯ cấp cho Bộ NNPTNT (ước tính chi phí phục hồi và chăm sóc trong 10 năm cho 4.000 ha rừng ngập) theo đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với BĐKH giai đoạn 2015-2020; và

(ii) Tổng số ... VNĐ tiền mặt vốn đối ứng do ngân sách TƯ cấp cho hai Bộ NNPTNT, Xây dựng và 07 tỉnh tham gia dự án. Trong đó:

- Bộ NNPTNT:
- Bộ Xây dựng:
- Tỉnh Nam Định:
- Tỉnh Thanh Hoá:
- Tỉnh Quảng Bình:
- Tỉnh Quảng Nam:
- Tỉnh Quảng Ngãi:
- Tỉnh Thừa Thiên Huế:
- Tỉnh Cà Mau:

2.6. Dự kiến tiến độ thực hiện: 2017-2022

Dự kiến ngân sách tổng thể căn cứ theo đề xuất dự án được ước tính như tại Bảng 1. Ngân sách chi tiết cụ thể cho từng năm sẽ được điều chỉnh sau khi hoàn thành công tác lập kế hoạch thực hiện chi tiết và sẽ được đưa vào thông qua tại hội nghị khởi động dự án trong năm đầu tiên.

Bảng 1: Dự kiến phân bổ ngân sách

Dòng ngân sách ước tính	Năm thứ 1 (USD)	Năm thứ 2 (USD)	Năm thứ 3 (USD)	Năm thứ 4 (USD)	Năm thứ 5 (USD)	Tổng (USD)
Nhân sự và tư vấn Staff & Consultants	335,667	513,667	478,067	442,467	442,467	2,212,333
Dịch vụ thầu và chi trả tiền mặt/chuyển tiền mặt Contractual Services & Grants	775,000	1,945,000	1,560,000	1,950,000	2,340,000	8,570,000
Đi lại/Travel	9,000	19,000	19,000	14,000	14,000	75,000
Chi phí vận hành, thiết bị và tiêu dùng Operating Costs, Supplies & Consumables	121,533	242,933	206,267	120,567	67,367	758,667
Tổng Ngân sách Mục tiêu 1	1,241,200	2,720,600	2,263,333	2,527,033	2,863,833	11,616,000
Nhân sự và tư vấn Staff & Consultants	311,067	489,067	423,467	387,867	387,867	1,999,333
Dịch vụ thầu và chi trả tiền mặt/chuyển tiền mặt Contractual Services & Grants	367,500	2,210,700	3,971,280	1,914,420	367,500	8,831,400
Đi lại/Travel	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	95,000
Chi phí vận hành, thiết bị và tiêu dùng Operating Costs, Supplies & Consumables	143,733	128,733	92,067	89,567	89,567	543,667
Tổng Ngân sách Mục tiêu 2	841,300	2,847,500	4,505,813	2,410,853	863,933	11,469,400
Nhân sự và tư vấn Staff & Consultants	205,667	420,333	384,733	349,133	312,467	1,672,333
Dịch vụ thầu và chi trả tiền mặt/chuyển tiền mặt Contractual Services & Grants	138,320	138,320	138,320	138,320	138,320	691,600
Đi lại/Travel	60,000	60,000	60,000	60,000	60,000	300,000
Chi phí vận hành, thiết bị và tiêu dùng Operating Costs, Supplies & Consumables	309,583	1,336,083	1,260,417	685,567	182,017	3,773,667
Tổng Ngân sách Mục tiêu 3	713,570	1,954,737	1,843,470	1,233,020	692,803	6,437,600
TỔNG	2,796,070	7,522,837	8,612,617	6,170,907	4,420,570	29,523,000

2.7. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA của nhà tài trợ nước ngoài:

Đây là khoản tài trợ không hoàn lại trên cơ sở cam kết đồng tài trợ của chính phủ Việt Nam thông qua các chương trình phát triển nhà phòng chống thiên tai, quản lý và phát triển rừng ven biển, và đề án quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Nguồn tài trợ bổ sung để đưa thêm các giá trị gia tăng cho các giải pháp đầu tư hiện có của chính phủ trong khuôn khổ mục tiêu dự án.

2.8. Đề xuất và cơ sở đề xuất cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án (cấp phát toàn bộ) phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước;

Đối với nguồn vốn đồng tài trợ: Số liệu tiền tài trợ trong dự án GCF của Chính phủ (qui đổi ra USD) là ngân sách đã được Chính phủ phê duyệt cho các Chương trình hiện tại về nhà chống lũ bão miền Trung của Bộ Xây dựng và Đề án trồng rừng ngập mặn đã được Chính phủ duyệt ngân sách cho Bộ NN&PTNT (theo thư đồng tài trợ của Bộ NNPTNT ngày 27 tháng 7 năm 2015 và Bộ XD ngày 7 tháng 8 năm 2015). Thực tế dự án sẽ không quản lý những dòng ngân sách này. Các tỉnh và các Bộ sẽ đề nghị ngân sách TU cấp..... VNĐ tiền mặt để phục vụ dự án GCF này khi đi vào thực hiện để chi trả các hạng mục như chi phí lương gia tăng cho các cán bộ tham gia thực hiện dự án ở TW và cấp tỉnh, cũng như các chi phí khác theo quy định hiện hành.. Số liệu được tổng hợp trong bảng sau.

Bảng 2: Tổng vốn đối ứng đưa vào dự án GCF phân theo các Bộ và các tỉnh (to be provided by the ministries and provinces)

.....

2.9. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình, dự án.

Đối tượng thụ hưởng trực tiếp: khoảng 20.000 người dễ bị tổn thương cao hưởng lợi trực tiếp từ các căn nhà an toàn hơn, có khả năng chống chịu khí hậu tốt hơn (người hưởng lợi trực tiếp, 60% phụ nữ)⁴

Đối tượng thụ hưởng gián tiếp:

- Tổng số 3.865.100 dân ở các tỉnh ven biển trong dự án sẽ được bảo vệ khỏi các tác động của thảm họa, khi các khu vực rừng ngập mặn diện tích lớn được khôi phục hoàn toàn và khoẻ mạnh (50% phụ nữ)⁵;
- Hơn 30 triệu người sống tại 28 tỉnh ven biển được hưởng lợi từ lập bản đồ rủi ro khí hậu và lập kế hoạch có sự tham gia về quản lý rủi ro thiên tai và các thực hành về giảm thiểu rủi ro (50% phụ nữ);
- Ngoài ra, 500.000 người được tiếp cận với các công nghệ xây nhà chống chịu với bão lụt, an toàn, chi phí thấp thông qua tiếp tục phổ cập CBDRA và thiết kế nhà an toàn cũng như đào tạo qua chương trình CBDRM.
- Những thành viên của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam được truy cập miễn phí tới kho dữ liệu rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu có chất lượng tốt hơn.
- Ít nhất 4 Bộ sẽ được hưởng lợi từ tăng cường năng lực thể chế của dự án trong lĩnh vực quản lý rủi ro khí hậu: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT); Bộ Xây dựng; và Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN & MT).
- Ít nh lực thể chế của dự án trong lĩnh vực quản lý rủi ro khí hậu: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT); Bộ Nông nghiệp và vực thích lực thể chế của dự án ttrích, thu lực thể chế của dự án trong lĩnh vực quản lý rủi ro khí hậu: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT); Bộ XââV, tiêu chuthể chế của dự án trong lĩnh vực quản lý rủi ro khí hậu: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT); Bộ Xây dựng; và Bộ Tài nguyên và Môi trườ
- Ở cấp tỉnh, năng lực kỹ thuật của tỉnh sẽ được nâng cao trực tiếp liên quan đến toàn bộ cả ba kết quả đầu ra của dự án. Lũy kế này sẽ giúp nhân rộng hơn bài học kinh nghiệm từ các dự án thí

⁴ Bình quân qui mô hộ gia đình ở vùng dự án là 5 người/hộ, mục tiêu là 4.000 nhà

⁵ Ước tính có khoảng 4.000 - 10.000 người / xã. Ước tính thấp nhất là 4.000 được sử dụng cho 25 xã của dự án.

điểm thành công ven biển, cũng như tăng cường ứng dụng trực tiếp trong quá trình sử dụng đất và quy hoạch/lập kế hoạch khác.

- Ở cấp xã, cán bộ và nhân dân địa phương lần đầu tiên có cơ hội chia sẻ và học hỏi về rủi ro BĐKH ở xã, kết hợp các quá trình CBDRA dựa vào kiến thức bản địa có sự tham gia với dữ liệu từ các gói thông tin không lồ có tính khoa học chứa đựng dữ liệu rủi ro và BĐKH đã cập nhật. Các xã cũng có khả năng học hỏi về các phương án xây nhà an toàn, và ích lợi của tái sinh rừng ngập mặn, giảm rủi ro triều cường và củng cố các hệ sinh thái. Năng lực của cộng đồng để chuyển giao từ học hỏi sang hành động sẽ được tăng cường thông qua hỗ trợ để gây ảnh hưởng đến quá trình lập ngân sách hàng năm của tỉnh, và thông qua tài liệu hoá thường xuyên các thông lệ tốt suốt thời gian dự án.

2.10. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) là cơ quan chủ quản của dự án vì Bộ có nhiệm vụ xuyên suốt liên quan đến phòng chống và kiểm soát thiên tai, có vai trò điều phối chiến lược trong Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống Thiên tai. Giữa UNDP và Bộ NN&PTNT đã có một quá trình hợp tác lâu dài và thành công, bao gồm chương trình CBDRM và chương trình UN-REDD.

Dưới Bộ NN&PTNT, Tổng cục Thủy lợi (TCTL) được đề xuất giao làm Chủ dự án, chịu trách nhiệm quản lý dự án, bao gồm cả việc giám sát và đánh giá hoạt động, đảm bảo đạt kết quả đầu ra và sử dụng hiệu quả tất cả các nguồn lực của dự án. TCTL có trách nhiệm trực tiếp thực hiện các chương trình quốc gia quan trọng như chương trình CBDRM và các dự án lập bản đồ ngập lụt, triều cường, và sóng biển dâng cho tất cả các tỉnh duyên hải mà dự án GCF sẽ hỗ trợ bổ sung. TCTL đã phối hợp chặt chẽ với các tỉnh (đến tận cấp xã), Bộ TNMT, Bộ Xây dựng và Bộ KHĐT. Thông qua TCTL, Bộ NN&PTNT cũng sẽ tận dụng quan hệ đối tác hiện có với các đối tác phát triển (như GIZ, JICA, Ngân hàng Thế giới, ADB, v.v...), các tổ chức xã hội dân sự, các tổ chức phi Chính phủ quốc tế, và khu vực tư nhân để huy động và xúc tác các nguồn lực, tối ưu hoá tác động của các nguồn lực được kết hợp. Ở tầm quốc gia, TCTL và Văn phòng thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương phòng chống thiên tai (BCĐTWPCCTT), một tổ chức điều phối liên Bộ có khả năng lớn trong việc huy động liên ngành, các Bộ chuyên ngành và các tỉnh. Trong dự án GCF, ngoài nhiệm vụ giúp Bộ NN&PTNT điều phối với các Bộ và các tỉnh có liên quan thực thi dự án, TCTL sẽ trực tiếp thực hiện cấu thành 3 cũng như một số hoạt động có liên quan đến bản đồ rủi ro thiên tai và khí hậu dựa vào cộng đồng (Hợp phần 3) và phối hợp với các Bộ TNMT, Tài chính trong các lĩnh vực có liên quan đến BĐKH và bảo hiểm.

Tổng cục Lâm nghiệp (TCLN) sẽ được Bộ NN&PTNT giao thực hiện để tạo ra kết quả 2/cấu thành 2 của dự án về rừng ngập mặn. TCLN sẽ phối hợp chặt chẽ với TCTL và 7 tỉnh có liên quan đến cấu thành phục hồi và chăm sóc, bảo vệ rừng ngập mặn trong quá trình thực hiện dự án.

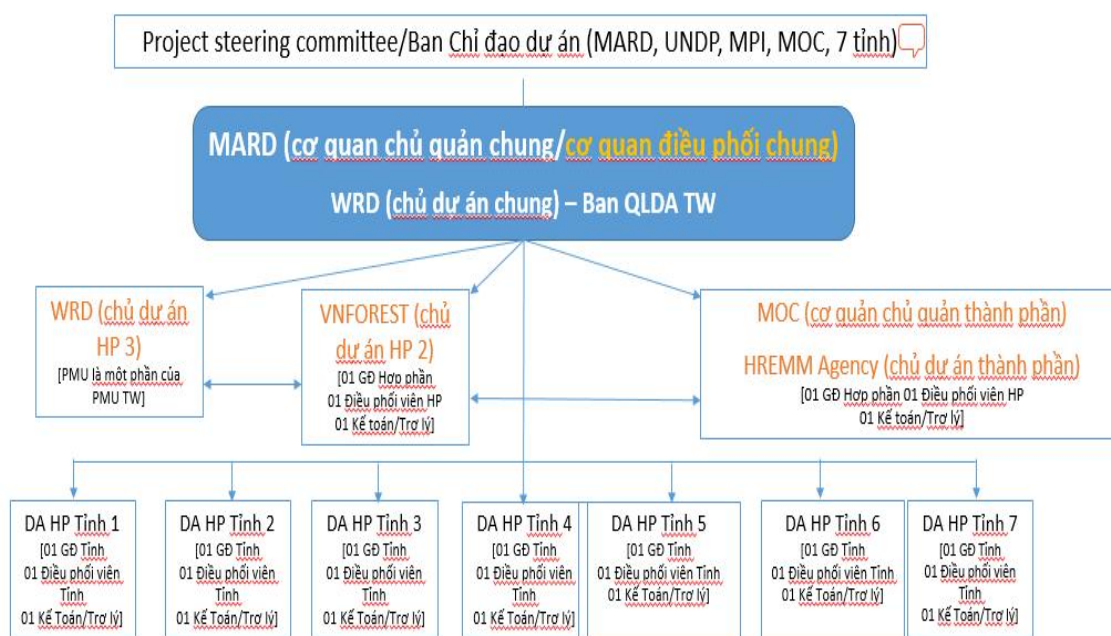
Các đối tác sau đây sẽ ký thoả thuận với Bộ NN&PTNT về việc hỗ trợ chuyển giao các kết quả đầu ra của dự án và chịu trách nhiệm giải trình trực tiếp với Bộ NN&PTNT và UNDP theo các điều khoản thoả thuận giữa các bên: Bộ Xây dựng và UBND 07 tỉnh (Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Nam, Nam Định và Cà Mau).

UNDP cung cấp các nguồn lực tài chính cần thiết để Bộ NN&PTNT và các đối tác liên quan thực hiện các hoạt động dự án trong chu kỳ hàng năm. Những thoả thuận này sẽ được ghi rõ trong kế hoạch công tác hàng năm. Theo cách tiếp cận hài hoà để chuyển tiền (ACT), ba phương thức chuyển tiền mặt có sẵn: chuyển tiền mặt trực tiếp, thanh toán trực tiếp và hoàn trả.

Vai trò tổng thể của UNDP là giám sát và đảm bảo chất lượng, thông qua trụ sở chính ở New York và các đơn vị thuộc văn phòng UNDP tại Việt Nam. Vai trò này bao gồm: (i) giám sát việc chuẩn

bị dự án; (ii) giám sát và quản lý thực hiện dự án, bao gồm cả quản lý tài chính; và (iii) giám sát việc kết thúc và đánh giá dự án. Ở đây cũng bao gồm vai trò giám sát liên quan đến báo cáo và quản lý tri thức. Các chức năng “đảm bảo dự án” của UNDP nhằm hỗ trợ Ban quản lý dự án thực hiện các chức năng giám sát và theo dõi dự án một cách khách quan và độc lập. Vai trò này đảm bảo rằng các mốc quản lý dự án được giám sát và hoàn thành. Đảm bảo dự án phải được độc lập với người quản đốc dự án. Vì vậy, Ban quản lý dự án không thể ủy thác bất kỳ trách nhiệm đảm bảo của mình cho người quản đốc dự án. Theo thông lệ, một cán bộ chương trình UNDP, hoặc một cán bộ Giám sát & Đánh giá sẽ thay mặt UNDP đảm trách vai trò Đảm bảo Dự án. Ở vai trò “nhà cung cấp bậc cao”, UNDP đảm trách vai trò đại diện cho các mối quan tâm của các bên tài trợ kinh phí hoặc hỗ trợ kỹ thuật/chuyên gia cho dự án (như thiết kế, phát triển, điều phối, đấu thầu, triển khai). Chức năng chính của nhà cung cấp là hướng dẫn về tính khả thi kỹ thuật của dự án. Vai trò cơ quan cung cấp chính phải có thẩm quyền để thực hiện hoặc có được nguồn cung cấp theo yêu cầu. Nếu cần thiết, có thể yêu cầu nhiều người đảm nhiệm vai trò này. Thông thường, Đối tác thực hiện/Cơ quan điều hành, UNDP và/hoặc các nhà tài trợ sẽ giữ vai trò này.

Sơ đồ bố trí quản lý dự án:



- Dự án Ô: MARD là cơ quan chủ quản chung, đóng vai trò chủ quản toàn bộ dự án
- Tổng cục Thủy lợi: chủ dự án chung thay mặt Bộ NN&PTNT, thực hiện chức năng quản lý, thực hiện và điều phối chung
- TC Lâm nghiệp, TC Thủy lợi, Cục QL nhà và BDS, 07 Các tỉnh là chủ hợp phần của các tỉnh, tham gia quản lý thực hiện và thụ hưởng dự án HĐ hợp phần
- UNDP sẽ chuyển kinh phí sang cho MARD/WRD (chủ dự án chung) và cho các dự án hợp phần
- UNDP phối hợp với WRD kí hợp đồng trách nhiệm với VNFOREST, MOC, 7 Provinces – cho các hoạt động thống nhất thực hiện cho từng dự án hợp phần

2.11. Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính phù hợp (chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA; chính sách và ưu tiên cung cấp vốn ODA); tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

Dự án góp phần tăng tính hiệu quả của các chương trình chống chịu mà Chính phủ đang thực hiện. Dự án đặc biệt hướng tới tăng cường thực hiện các chương trình và kế hoạch hiện có của Chính phủ và mỗi kết quả đầu ra đều có phần xây dựng năng lực kỹ thuật cụ thể trong đó. Ngoài ra, mỗi kết quả đầu ra cũng có thành tố tăng cường chính sách cụ thể, hỗ trợ Chính phủ các đầu vào kỹ thuật nhằm tăng cường hay nâng cấp các hướng dẫn và văn bản chính sách chính thức.

Những can thiệp của dự án sẽ nhân rộng mô hình lồng ghép thay đổi, được triển khai trên 28 tỉnh duyên hải của Việt Nam. Các hoạt động sẽ bổ sung trực tiếp cho các chương trình đầu tư hiện có của Chính phủ, hướng tới việc tạo ra hiệu ứng theo cấp số nhân, và đầu tư của Chính phủ được thực hiện hiệu quả và bền vững hơn thông qua dòng tài trợ của dự án. Các hoạt động của dự án sẽ trực tiếp tăng cường thực hiện các chương trình quốc gia về CBDRM, rừng ngập mặn ven biển, nhà ở an toàn và chuẩn bị ứng phó với thiên tai cấp quốc gia.

Dự án phù hợp với chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA của Chính phủ: góp phần xoá đói giảm nghèo, thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ thiên tai, v.v... Ngoài những lợi ích mang lại như đã đề cập trong phần đối tượng hưởng lợi, dự án còn có tác động hiệp lực, nhân rộng và mở rộng qui mô.

Về các chương trình xây nhà ở của Chính phủ: Bộ Xây dựng có thế mạnh về chuyên môn, kỹ thuật trong thiết kế và xây dựng nhà ở, có kinh nghiệm trong triển khai các dự án quy mô lớn, và hoạt động mô hình tài chính để hỗ trợ các hộ gia đình dễ bị tổn thương.

Can thiệp từ GCF được đề xuất sẽ kết hợp phương pháp CBDRM được phê duyệt để lập bản đồ rủi ro cấp cộng đồng với áp dụng các thiết kế xây dựng đã cải tiến của Bộ Xây dựng và các tính năng chống chịu với khí hậu nhằm tăng hiệu quả và mở rộng kế hoạch xây nhà an toàn cho các vùng ven biển dễ bị tổn thương nhất. Kết nối quan trọng này sẽ đảm bảo nhà ở, tài sản duy nhất của người nghèo được xây trên vị trí an toàn và có thể chống chịu, không chỉ với các tác động BĐKH hiện nay mà còn với cường độ dự báo còn tăng trong những năm tiếp theo.

Về quản lý rủi ro thiên tai/thích ứng dựa vào cộng đồng: Chính phủ có cơ cấu tổ chức có sự tham gia, hoà nhập và có trách nhiệm, có thể làm việc với các cộng đồng và có sở hữu lâu dài, vững chắc. Cộng đồng cũng là nơi tạo ra các số liệu thiệt hại và tổn thất có giá trị cũng như các tác động BĐKH khác. Chương trình bao gồm cơ chế xây dựng kế hoạch thích ứng dựa vào cộng đồng và đưa cả những nhu cầu hỗ trợ vào kế hoạch thường kỳ.

Hỗ trợ của GCF sẽ đảm bảo tập huấn cho các bên liên quan ở 28 tỉnh ven biển về thiết kế nhà tăng cường chống chịu với khí hậu có thể (a) giải quyết mối rủi ro ngày càng tăng đi kèm với dự báo BĐKH và các sự cố cực đoan, và (b) sử dụng các số liệu rủi ro cũng như kiến thức của cộng đồng đã nâng cao để đảm bảo vị trí lựa chọn an toàn. Ở cấp quốc gia, hỗ trợ của GCF sẽ nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật và khuôn khổ pháp lý cho các chương trình nhà ở chống chịu thiên tai của Chính phủ trong tương lai.

Về thông tin rủi ro khí hậu: Chính phủ đã chủ động làm việc với các tổ chức quốc tế và trong nước nhằm thúc đẩy củng cố số liệu để dự báo BĐKH và các rủi ro chính như siêu bão và triều cường.

Hỗ trợ của GCF sẽ xây dựng trên cơ sở những nỗ lực trong quá khứ và hiện tại để thu thập và ghi lại dữ liệu về tổn thất và thiên tai, và xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Chính phủ với các kỹ năng cần thiết để phân tích dữ liệu cũng như đào tạo các nhà làm chính sách biết áp dụng các phân tích đó vào qui hoạch/quá trình lập kế hoạch. Nhìn chung, các hoạt động được thiết kế để góp phần chuyển đổi cách tiếp cận hiện nay của Chính phủ Việt Nam sang hỗ trợ và tạo điều kiện thích ứng. Kinh phí từ GCF sẽ giúp Chính phủ theo đuổi chiến lược dài hạn kết hợp các cách tiếp cận giảm nhẹ rủi ro hiện hành với cách tiếp cận quản lý rủi ro xác suất BDKH được nâng cao nhằm bảo vệ thành quả của phát triển.

Nhằm đảm bảo số liệu được cung cấp theo hình thức và phương tiện có ích cho khu vực tư nhân, và để nâng cao hiểu biết của Chính phủ về cách thức làm thế nào tạo ra động lực đối với sản phẩm quản lý rủi ro trong tương lai, dự án sẽ hỗ trợ đối thoại giữa khu vực tư nhân và các đối tượng có liên quan của Chính phủ ở trung ương và tỉnh. Việc này bao gồm đối thoại về kỹ thuật với khu vực tư nhân về cải thiện các ứng dụng và tiếp cận số liệu thiệt hại và tổn thất, và hiểm họa. Dự án cũng sẽ hỗ trợ tham vấn rộng rãi với các doanh nghiệp về những trở ngại hiện nay và các giải pháp để tăng sự tham gia chia sẻ và chuyển rủi ro của khu vực tư nhân trong việc quản lý khí hậu ở Việt Nam.

Về công tác phục hồi rừng ngập mặn: Bộ NN&PTNT đã có kinh nghiệm trong việc phục hồi rừng ngập mặn, Chính phủ cũng cam kết mạnh mẽ để mở rộng quy mô chương trình hiện hành, sử dụng phương pháp tiếp cận bằng chứng hỗ trợ để nâng tỷ lệ sống của rừng ngập mặn.

Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cũng sẽ được cung cấp giúp Bộ NN&PTNT nâng cấp các hướng dẫn kỹ thuật và chính sách để lồng ghép các cách tiếp cận của GCF đã được chứng tỏ đạt tiêu chuẩn vào các kế hoạch và chương trình tái sinh trong tương lai.

Can thiệp từ GCF sẽ nhân rộng các thông lệ tốt từ những chương trình thí điểm khác nhau và lồng ghép các phương pháp thành công về tuyển chọn tự nhiên như cách tiếp cận thông lệ tốt nhất để tái sinh 4.000ha rừng ngập mặn. Tài trợ sẽ cho phép áp dụng các công nghệ tái sinh và chăm sóc đã cải thiện như đề cập ở những phần trên, và thực hiện các biện pháp hỗ trợ nhằm đảm bảo giải quyết tình trạng sinh kế gián đoạn tạm thời (ví dụ di dời các ao nuôi tôm của cộng đồng bị tác động của việc trồng rừng, là một phần của kế hoạch tái sinh rừng).

Những cách tiếp cận đã cải thiện sẽ bao gồm các hoạt động hỗ trợ nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng, thông qua chương trình CBDRM ở mọi giai đoạn của quá trình tái sinh rừng ngập mặn (ví dụ, vườn ươm, trồng, theo dõi) và hỗ trợ cộng đồng khi cần thiết nhằm đảm bảo sinh kế không bị tác động tiêu cực bởi các hoạt động của dự án.

Dự án thúc đẩy tiềm năng chuyển giao kiến thức: Ở cấp xã, cán bộ và nhân dân địa phương lần đầu tiên có cơ hội chia sẻ và học hỏi về rủi ro BDKH ở xã, kết hợp các quá trình CBDRA dựa vào kiến thức bản địa có sự tham gia với dữ liệu từ các gói thông tin lớn, có tính khoa học, chứa đựng dữ liệu rủi ro và BDKH đã cập nhật. Các xã cũng có khả năng học hỏi về các phương án xây nhà an toàn, và ích lợi của tái sinh rừng ngập mặn, giảm rủi ro triều cường và củng cố các hệ sinh thái. Năng lực của cộng đồng để chuyển giao từ học hỏi sang hành động sẽ được tăng cường thông qua hỗ trợ để gây ảnh hưởng đến quá trình lập ngân sách hàng năm của tỉnh, và thông qua tài liệu hoá thường xuyên các thông lệ tốt suốt thời gian dự án.

Ở cấp tỉnh, năng lực kỹ thuật của tỉnh sẽ được nâng cao trực tiếp liên quan đến toàn bộ cả ba kết quả đầu ra của dự án. Lũy kế này sẽ giúp nhân rộng hơn bài học kinh nghiệm từ các dự án thí điểm thành công ven biển, cũng như tăng cường ứng dụng trực tiếp trong quá trình sử dụng đất và quy hoạch/lập kế hoạch khác.

Việc tham gia của GCF rất quan trọng ở hai khía cạnh: (i) dự báo BĐKH cho thấy mối đe dọa vùng ven biển có lẽ đang gia tăng ở Việt Nam. Lũ lụt, triều cường và bão có thể sẽ ngày càng tăng về cả tần suất và cường độ. Do đó cần thiết phải đầu tư thêm để có thông tin rủi ro khí hậu thông báo cho và cải thiện các chương trình xây nhà an toàn và bảo vệ ven biển hiện có của Chính phủ; (ii) các mối đe dọa liên quan đến khí hậu cũng yêu cầu có thêm tài chính cho hạng mục khí hậu để tăng qui mô đầu tư giảm nhẹ rủi ro khí hậu cho vùng định cư ven biển (người và tài sản chính của họ - ngôi nhà) cũng như cải thiện các phương pháp và áp dụng các thông lệ tốt nhất, sự tham gia của GCF sẽ nâng cao đáng kể các chương trình hiện nay của Chính phủ bằng cách cung cấp thông tin rủi ro khí hậu, thực hiện các thông lệ tốt nhất và nhân rộng thành quả của các dự án thí điểm thành công cũng như các kinh nghiệm tốt trên thế giới. Kết quả của việc đầu tư trong đề xuất này sẽ tạo chuyển biến.

Nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận dữ liệu có thể tạo ra tác động chuyển đổi cách lập kế hoạch và thực hành quản lý rủi ro ở Việt Nam. Quá trình ra quyết định liên quan đến lập kế hoạch đầu tư và sắp xếp ưu tiên dự án thích ứng hiện hay không được hưởng lợi từ phân tích xác suất rủi ro cả về sinh kế và tiếp cận được tài chính. Ngoài việc đẩy mạnh thực hiện các dự án đang triển khai đến năm 2020, cung cấp sớm các dữ liệu rủi ro đã được cải thiện cho tất cả các tỉnh đồng bằng và ven biển có thể là một yếu tố xúc tác để Chính phủ tiến hành nhân rộng cách tiếp cận tổng hợp này trong thiết kế của chu kỳ kế hoạch 2020-2025 của mình.

Dữ liệu chính xác về sự cố cực đoan trong quá khứ và các thông tin rủi ro liên quan đến khí hậu khác cũng là động lực để phát triển sản phẩm, chuyển giao rủi ro sang khu vực tư nhân. Nguồn lực của GCF sẽ giúp tạo lập và tiếp cận được các dữ liệu và công cụ như bản đồ rủi ro và các mô hình tài chính nhằm hỗ trợ việc ra quyết định chính xác hơn trong thích ứng với BĐKH ở tất cả các cấp. Tăng cường các hệ thống để thu thập dữ liệu cấp xã về tổn thất và thiệt hại do thiên tai cũng sẽ nâng cao đáng kể bộ dữ liệu dài hạn có thể được sử dụng làm phân tích IPCC và các phân tích khác của quốc gia.

Cuối cùng, tại các tỉnh duyên hải, những bài học kinh nghiệm cũng như những thiếu hụt có thể có trong dự án cũng sẽ được trực tiếp phân tích trong quá trình lập KH hàng năm (bước 5, quá trình CBRDM), từ đó có thể dẫn đến tăng đầu tư cho công tác xây dựng năng lực chống chịu, và cải tiến các chính sách, kế hoạch, tiêu chuẩn chủ chốt của quốc gia.

Dự án cũng đóng góp cho phát triển bền vững thông qua các đồng lợi ích khác như tóm tắt dưới đây:

Lợi ích kinh tế

- Lập kế hoạch tốt hơn khi lồng ghép thông tin rủi ro khí hậu, mang lại ích lợi cho 30 triệu dân ven biển;
- Giảm tổn thất do thiên tai gây ra ở các ngành quan trọng bao gồm nông nghiệp và nhà ở tại các xã vùng đồng bằng và ven biển;
- Tăng độ chính xác của dữ liệu khí hậu, giảm tính không chắc chắn về kinh tế và tăng tính khả thi về kinh tế của các sản phẩm và dịch vụ quản lý khí hậu;

- Có kế hoạch tài chính để Chính phủ quản lý rủi ro tài chính từ các thiên tai lớn ở ven biển (vượt quá 3% GDP); và
- Tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm rủi ro khí hậu giá phải chăng cho dân vùng đồng bằng ven biển.

Lợi ích xã hội

- Xây nhà ở an toàn cho 20.000 người, thuộc các hộ gia đình thu nhập thấp, chịu rủi ro cao;
- Tăng khả năng tiếp cận nhà ở an toàn cho 500.000 người, thuộc các hộ gia đình thu nhập thấp, chịu rủi ro đặc biệt cao;
- Tổng số 3.865.100 dân ở các tỉnh ven biển tham gia dự án sẽ được bảo vệ bởi các khu vực rừng ngập mặn khỏe mạnh và rộng lớn;
- Giảm thương vong và chết do thiên tai khí hậu cực đoan;
- Tăng cường việc lập kế hoạch có sự tham gia trong các xã mục tiêu, đảm bảo có đại diện các nhóm dễ bị tổn thương kể cả người khuyết tật, dân tộc thiểu số, thanh niên và người cao tuổi;
- Cải thiện cơ chế truyền thông hai chiều và có tham khảo các dự án xây dựng chống chịu trong quá trình lập kế hoạch kinh tế-xã hội; và
- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng để bảo vệ di sản thiên nhiên.

Lợi ích môi trường

- Giảm lượng khí nhà kính 1.860.720 tCO₂ trong hơn 20 năm thông qua phục hồi 4.000 ha rừng ngập mặn ven biển;
- Bảo vệ đa dạng sinh học dưới hình thức quản lý phục hồi rừng ngập mặn;
- Phát triển kỹ năng của dân địa phương về bảo vệ công nghệ sinh học;
- Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường cho 4.000 căn nhà, có tính đến sự hiểu biết đầy đủ của dân cư ven biển về rủi ro của các hệ sinh thái;
- Cải thiện việc áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn môi trường, đánh giá môi trường, và tài nguyên môi trường tại các xã mục tiêu; và
- Bảo vệ hệ thống đê biển bằng cách giảm năng lượng sóng biển và như vậy giảm chi phí liên quan tới duy tu bảo dưỡng đê biển.

Những cân nhắc và lợi ích giới

- Các nhóm chuyên gia CBDRM cấp xã phải có ít nhất 30% phụ nữ kể cả trong các vị trí ra quyết định;
- Cơ sở dữ liệu về tổn thất và thiệt hại cần theo dõi dữ liệu phân tách riêng về giới đối với các số liệu thống kê thiên tai chính; và
- Tăng cường vai trò của Hội Phụ nữ Việt Nam trong lập kế hoạch của cộng đồng và trong quá trình tham vấn.

2.12. Các hoạt động thực hiện trước.

- Thuê Chuyên gia thiết kế chi tiết dự án cho từng hợp phần dự án và khảo sát chi tiết địa bàn triển khai thực hiện, từ đó đưa ra khung kế hoạch thực hiện dự án và kế hoạch triển khai dự án chi tiết trong năm đầu tiên, và soạn thảo đề cương (TOR) cho một số gói việc chính của dự án